

Số: /QĐ-ĐHXDMT

Đắk Lắk, ngày tháng năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Giảm học phí học kỳ I năm học 2025 - 2026

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC XÂY DỰNG MIỀN TRUNG

Căn cứ Nghị Quyết số 107/NQ-HĐT ngày 03 tháng 6 năm 2025 của Hội đồng trường Trường Đại học Xây dựng Miền Trung ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Xây dựng Miền Trung; Nghị quyết số 114/NQ-HĐT ngày 09 tháng 6 năm 2025 của Hội đồng trường Trường Đại học Xây dựng Miền Trung điều chỉnh, bổ sung một số nội dung Quy chế tổ chức và hoạt động Trường Đại học Xây dựng Miền Trung;

Căn cứ Quyết định số 417/QĐ-ĐHXDMT ngày 30 tháng 05 năm 2025 của Hiệu trưởng Trường Đại học Xây dựng Miền Trung ban hành Quy định về việc ban hành Quy chế chi tiêu nội bộ của Trường Đại học Xây dựng Miền Trung;

Căn cứ kết luận của Hội đồng xét miễn, giảm học phí học kỳ I năm học 2025-2026 đối với sinh viên ngày 05 tháng 11 năm 2025;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Công tác sinh viên, Trưởng phòng Kế hoạch - Tài chính.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giảm học phí cho 55 sinh viên thuộc đối tượng: Có cha hoặc mẹ là viên chức người lao động đang công tác tại Trường; có anh, chị, em ruột đang học đại học chính quy hoặc đã tốt nghiệp đại học chính quy tại Trường (có danh sách trích ngang kèm theo).

Điều 2. Giảm học phí học kỳ I năm 2025-2026 được thực hiện cho 05 tháng năm 2025 và được khấu trừ vào học phí học kỳ II năm học 2025-2026.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Các đơn vị thuộc, trực thuộc Trường, cố vấn học tập và sinh viên có tên trong danh sách tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- HĐT, Hiệu trưởng (báo cáo);
- Như Điều 3 (thực hiện);
- Cố vấn học tập, lớp sinh viên;
- Niêm yết Website;
- Lưu: VT, CTSV, KH-TC.

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

TS. Lê Đức Thường

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐƯỢC GIẢM HỌC PHÍ HỌC KỲ I NĂM HỌC 2025-2026

(kèm theo Quyết định số /QĐ-ĐHXDMT ngày tháng năm 2025 của Hiệu trưởng Trường Đại học Xây dựng Miền Trung)

TT	Mã sinh viên	Họ và	Tên	Lớp	Đối tượng giảm học phí	Phần % miễn giảm theo QĐ 417/2025/QĐ-ĐHXDMT	Số tiền học phí HKI năm học 2025-2026	Số tiền được giảm HKI năm học 2025-2026	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(10)	(11)
1	21DQ5801011016	Đình Minh	Ngọc	D21KTR1	Con CBVC	50%	6,152,500	3,076,250	
2	22Q75802011009	Đình Trí	Trực	D22XDK1	Con CBVC	50%	9,351,300	4,675,650	
3	24Q74802011040	Trần Đăng	Hiền	D24CTC1	Con CBVC	50%	10,344,800	5,172,400	
4	25Q75802011166	Lê Huỳnh	Phát	D25XDK1	Con CBVC	50%	9,746,550	4,873,275	
5	23Q73401011025	Nguyễn Ngọc	Hân	D23QHC1	Anh, chị, em ruột học cùng trường	20%	6,915,000	1,383,000	
6	21DQ5801011003	Nguyễn Ngọc Huyền	My	D21KTR1	Anh, chị, em ruột học cùng trường	20%	6,152,500	1,230,500	
7	25Q75802011133	Nguyễn Quốc	Việt	D25XDK3	Anh, chị, em ruột học cùng trường	20%	9,746,550	1,949,310	
8	25Q75802011132	Nguyễn Thanh	Tâm	D25XDK3	Anh, chị, em ruột học cùng trường	20%	9,746,550	1,949,310	
9	24Q73401221017	Huỳnh Thị Ngọc	Hào	D24TMC1	Anh, chị, em ruột học cùng trường	20%	7,975,300	1,595,060	
10	22Q75802011048	Huỳnh Thanh	Hoàng	D22XDK2	Anh, chị, em ruột học cùng trường	20%	9,351,300	1,870,260	
11	25Q75803011003	Trương Nguyễn	Chinh	D25KXX1	Anh, chị, em ruột học cùng trường	20%	10,444,650	2,088,930	
12	25Q75803011026	Trương Nguyễn	Chiến	D25KXX1	Anh, chị, em ruột học cùng trường	20%	10,444,650	2,088,930	
13	24Q75802011076	Nguyễn Trọng	Nhân	D24XDK3	Anh, chị, em ruột học cùng trường	20%	10,373,300	2,074,660	
14	24Q75801011028	Nguyễn Trọng	Tâm	D24KTR1	Anh, chị, em ruột học cùng trường	20%	12,616,100	2,523,220	
15	22Q73401013023	Huỳnh Nguyễn Bảo	Ngọc	D22QHC1	Anh, chị, em ruột học cùng trường	20%	6,915,000	1,383,000	

16	22Q73401013022	Huỳnh Nguyễn Bích	Ngọc	D22QHC1	Anh, chị, em ruột học cùng trường	20%	6,915,000	1,383,000	
17	23Q75802051015	Văn Ngọc	Tiền	D23CDK1	Anh, chị, em ruột học cùng trường	20%	9,427,950	1,885,590	
18	23Q75802051016	Văn Ngọc	Tính	D23CDK1	Anh, chị, em ruột học cùng trường	20%	9,427,950	1,885,590	
19	24Q75802051038	Nguyễn Phương	Linh	D24CDK1	Anh, chị, em ruột học cùng trường	20%	14,180,250	2,836,050	
20	21DQ5802051001	Nguyễn Đắc	Thắng	D21CDK1	Anh, chị, em ruột học cùng trường	20%	6,604,000	1,320,800	
21	23Q75802051026	Nguyễn Văn	Tiến	D23CDK1	Anh, chị, em ruột học cùng trường	20%	9,427,950	1,885,590	
22	25Q75803011024	Nguyễn Thị Ngọc	Diệu	D25KXX1	Anh, chị, em ruột học cùng trường	20%	10,444,650	2,088,930	
23	25Q74802011025	Đặng Trung	Trực	D25CTC1	Anh, chị, em ruột học cùng trường	20%	9,929,050	1,985,810	
24	22Q73403012015	Đặng Thị Thùy	Linh	D22KDC1	Anh, chị, em ruột học cùng trường	20%	8,044,450	1,608,890	
25	23L74802011003	Trương Võ Hoài	Thái	D23CTC4	Anh, chị, em ruột học cùng trường	20%	13,721,600	2,744,320	
26	22Q73403012042	Trương Võ Hồng	Thư	D22KDC1	Anh, chị, em ruột học cùng trường	20%	10,810,450	2,162,090	
27	25Q75803011016	Trương Thị Kiều	Oanh	D25KXX1	Anh, chị, em ruột học cùng trường	20%	10,444,650	2,088,930	
28	21DQ5802011165	Trương Phi	Hùng	D21XDK4	Anh, chị, em ruột học cùng trường	20%	6,604,000	1,320,800	
29	23Q75802051030	Võ Ngọc	Toàn	D23CDK1	Anh, chị, em ruột học cùng trường	20%	5,263,300	1,052,660	
30	23Q75802051014	Võ Ngọc	Thắng	D23CDK1	Anh, chị, em ruột học cùng trường	20%	5,263,300	1,052,660	
31	22Q75801031012	Dương Thị Mỹ	Linh	D22KNT1	Anh, chị, em ruột học cùng trường	20%	10,679,900	2,135,980	
32	22Q75803021016	Dương Thị Mỹ	Loan	D22QXC1	Anh, chị, em ruột học cùng trường	20%	8,281,200	1,656,240	
33	23Q75803011002	Nguyễn Huỳnh	Đa	D23KXC1	Anh, chị, em ruột học cùng trường	20%	8,817,200	1,763,440	
34	23Q75803011013	Lê Thanh	Thiên	D23KXC1	Anh, chị, em ruột học cùng trường	20%	8,817,200	1,763,440	
35	23Q75803011014	Lê Thị Hoài	Thương	D23KXC1	Anh, chị, em ruột học cùng trường	20%	7,745,200	1,549,040	
36	22Q75803011004	Đỗ Anh	Đoan	D22KXC1	Anh, chị, em ruột học cùng trường	20%	9,353,200	1,870,640	
37	24Q74802011032	Phạm Diệp Gia	Bảo	D24CTC1	Anh, chị, em ruột học cùng trường	20%	10,344,800	2,068,960	

38	23Q73403011044	Nguyễn Thị Tú	Trinh	D23KDC1	Anh, chị, em ruột học cùng trường	20%	7,053,300	1,410,660	
39	25Q75802011123	Phạm Quốc	Vương	D25XDK3	Anh, chị, em ruột học cùng trường	20%	9,746,550	1,949,310	
40	25Q75803021024	Lê Thị Bảo	Trần	D25QXX1	Anh, chị, em ruột học cùng trường	20%	10,444,650	2,088,930	
41	22Q75803011031	Cao Như	Quỳnh	D22KXC1	Anh, chị, em ruột học cùng trường	20%	8,281,200	1,656,240	
42	22Q75802011034	Tạ Công	Đạt	D22XDK1	Anh, chị, em ruột học cùng trường	20%	9,351,300	1,870,260	
43	22Q75802011136	Nguyễn Thị Ngọc	Tú	D22XDK1	Anh, chị, em ruột học cùng trường	20%	9,351,300	1,870,260	
44	24Q75106051037	Trần Ngọc	Tuấn	D24LQC1	Anh, chị, em ruột học cùng trường	20%	9,808,800	1,961,760	
45	22Q75803011002	Huỳnh Thị Thảo	Chi	D22KXC1	Anh, chị, em ruột học cùng trường	20%	9,353,200	1,870,640	
46	22Q74802011005	Nguyễn Bá	Đoan	D22CTC1	Anh, chị, em ruột học cùng trường	20%	8,281,200	1,656,240	
47	22Q75802011130	Trương Chí	Vinh	D22XDK2	Anh, chị, em ruột học cùng trường	20%	10,373,300	2,074,660	
48	22Q75803011007	Nguyễn Minh	Hoàng	D22KXC1	Anh, chị, em ruột học cùng trường	20%	8,281,200	1,656,240	
49	22Q75802011026	Võ Quốc	Dũng	D22XDK1	Anh, chị, em ruột học cùng trường	20%	9,351,300	1,870,260	
50	25Q75802011080	Đào Tấn	Nhật	D25XDK1	Anh, chị, em ruột học cùng trường	20%	9,746,550	1,949,310	
51	25Q75803011015	Võ Minh	Hòa	D25KXX1	Anh, chị, em ruột học cùng trường	20%	10,444,650	2,088,930	
52	25Q73403011020	Mạch Thu	Phương	D25KDC1	Anh, chị, em ruột học cùng trường	20%	8,386,350	1,677,270	
53	25Q75802011071	Nguyễn Hải	Lợi	D25XDK2	Anh, chị, em ruột học cùng trường	20%	9,746,550	1,949,310	
54	24Q75802011118	Phạm Gia	Huy	D24XDK1	Anh, chị, em ruột học cùng trường	20%	10,373,300	2,074,660	
55	22Q75802011029	Phạm Khánh	Duy	D22XDK1	Anh, chị, em ruột học cùng trường	20%	9,351,300	1,870,260	
		TỔNG CỘNG					504,549,300	111,588,405	

Bảng chữ: Một trăm mười một triệu, năm trăm tám mươi tám ngàn, bốn trăm lẻ năm ngàn đồng